**Nguyễn Thị Thảo An**

Những dòng sông không chảy

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Những dòng sông không chảy](%22%20%5Cl%20%22bm2)

**Nguyễn Thị Thảo An**

Những dòng sông không chảy

Sequois là người da đỏ. Lần đầu, tôi gặp hắn trong nhóm bán dạo ở khu thương xá Portland, Oregon. Hắn mặc quần jeans bạc mầu, lủng nhiều lỗ. Tóc dài, cột bằng sợi thun có kim tuyến. Họ trình diễn nhạc cổ truyền da đỏ trong một góc phố. Hắn thổi sáo. Ống sáo làm bằng nhánh cây hollow, đục sáu lỗ, có quấn dây dạ Những người khác đánh trống. Loại trống tay, tròn dẹt có quai xách, hai mặt bịt bằng da trâu rừng. Bên cạnh, một túi xách đựng toàn băng và dĩa. Tôi chăm chú nghe hồi lâu. Nhạc không haỵ Âm thanh trầm và rền như bị dồn trong lòng núi. Vài người thấy lạ đứng lại xem, rồi bỏ đi. Không ai mua dù giá rẻ. Họ vẫn kiên nhẫn trình diễn. Động lòng, còn năm chục tôi đưa hết cho họ và lấy một băng nhạc. Đi được mươi bước Sequois chạy theo, dúi cho mớ nữa. Tôi cười, lấy thêm một băng, rồi đi thẳng.

Đầu hè, sinh viên túa ra kiếm việc chờ khóa mới. Một thằng bạn Tầu tên Lee rủ tôi về Boise, phụ việc nhà hàng của cha nó. Nó hứa, lương cao việc nhàn, bao ăn ở, hai đứa có thời gian học thêm. Nghe bùi tai, tôi theo nó về Boisẹ Mới hai hôm, nó lặn mất. Thường nhật, nhà hàng bán hai bữa chính: trưa và tối. Nhưng công việc dưới bếp quần quật suốt mười hai tiếng mỗi ngày. Hết làm cá, nhồi bột lại bầm hành, cay xé mắt. Chốc chốc, cha nó cứ chạy xuống ngó chừng như canh kẻ trộm. Tôi hỏi, Lee đâu. Ông xua tay cự, làm việc đi, nó mắc học, không rảnh chơi với mày. Tôi cáu tiết, vung con dao to bản chặt phập vào thớt. Củ hành tây bị bửa đôi, lăn lông lốc. Quăng tạp dề, tôi đi một mạch ra cửa. Đằng sau, lão chủ xỉa xói theo bằng tiếng Tàu.
Trên đường về phòng trọ, tôi tạt ngang thư viện. Trước sân, giữa lạch suối giả là pho tượng bán thân của đại văn hào Ernest Hemingwaỵ Đầu tượng phủ đầy rêu, mặt xanh lè. Lạch suối giả ngập lá khô, váng bợn. Tôi dừng lại ngắm ông. Đang ngẫm nghĩ, không hiểu một người thành công và nổi tiếng vậy, sao lại tự tử? Bỗng phía sau, có người cất giọng chê bai, “Hm, ông ta viết Old Man and the Sea ca ngợi sự tranh đấu của con người trước thiên nhiên để sống còn hay lắm, nhưng chính mình thì lại tự tử.” Tôi quay lại, thì ra Sequois. Hắn cũng nhận ra tôi. Chúng tôi chào lấy lệ rồi ra bãi đậu xe. Đó là lần thứ hai, tôi gặp hắn.
Hai tuần sau, ra bưu điện nhận thư Ngạ Cô bạn gái báo tin lấy chồng. Thư có kèm thiệp cưới. Chú rể là thằng bạn ra trường trước đây một năm. Trên đường về, xe bị xẹp bánh. Tôi điên tiết nhảy xuống chửi ỏm tỏi. Và, đá chiếc xe tơi bời. Cái mâm bánh văng ra, lăn vùn vụt xuống dốc. Từ lề đường, một người chạy ra chụp lại. Đó là Sequois. Tôi không buồn chào, nhưng hắn tỏ vẻ hăm hở giúp. Chúng tôi đẩy xe lên lề, rồi thay bánh. Vừa làm vừa trò chuyện, nó rủ tôi lên nông trại làm việc. Buồn tình, tôi ừ đại. Hắn gửi chiếc xe cà tàng của tôi cho tiệm quen gần đó, rồi chạy đi. Lát sau, trở lại đón tôi trên chiếc xe Jeep đời mới, cáu cạnh. Thật không ngờ, hắn khá vậy. Tôi chợt tiếc đã cho hắn năm chục đồng hôm trước.
Boise là thủ phủ Idahọ Tiểu bang xứ lạnh, ít dân nên thành phố không lớn. Sequois ra xa lộ 95 lên hướng bắc. Ra khỏi thành phố, hai bên là nông trại. Vào hè, cây cỏ xanh um. Một vài căn nhà kho bằng gỗ đỏ, mái dốc như kiểu nhà nguyện nằm trơ trọi giữa đồng. Xe chạy nhanh. Gió tạt hai má rát buốt. Những luống rau xanh vụt chạy giật lùi. Được một đỗi, nông trại thưa dần. Xe lọt vào hẻm núi. Hai bên vách đá dựng đứng. Mặt trời chỉ rọi sáng lưng chừng đỉnh. Bên dưới, trời tối sầm. Phát hoảng, tôi hỏi còn bao xạ Hắn bảo, độ bốn tiếng nữa. Bấy giờ, tôi đâm lọ Hắn tự xưng là người da đỏ, nhưng trông mầu nâu sậm. Thân hình vạm vỡ, rắn như một thỏi đồng. Mũi cao, cằm bạnh, mắt nhìn mạnh và sáng. Tóc dài, vẫn cột bằng sợi thun như lần trước. Kiểu tóc hệt như mấy tay anh chị trong phim làm tôi chột dạ. Muốn đổi ý quay về. nhưng sợ hắn chê, tôi gạ chuyện.
“Hey, làm nông trại không khá đâu. Hay mình trở lại Boise kiếm việc khác?”
Hắn lắc đầu, “Mày đừng lọ Đây là nông trại nhà.”
Tôi ngạc nhiên, “Mày khá vậy, sao còn đi bán dạo?”
“Bán dạo?” Hắn trố mắt ngó tôi. Rồi gằn giọng giải thích, “Đó là trình diễn.” Hắn hất hàm, kiêu hãnh, “Tụi tao đi chứng minh cho thiên hạ thấy, văn hóa da đỏ vẫn còn.” Không đợi tôi trả lời, hắn nói một lèo, “Đất này là của tụi tao. Tổ tiên người da đỏ đã sống ở dây mười hai ngàn năm trước Tây lịch. Và, tụi tao sẽ có mặt cho tới ngày tận thế.” Bất ngờ, hắn hỏi, “Mày thấy có thằng da trắng nào dám đứng nghe không?” Tôi chưa kịp nói gì, hắn đắc chí tiếp, “Tao đi nhiều nơi, chưa thấy thằng nào dám đứng coi, chứ đừng nói muạ Mầy là thằng ngoại quốc đầu tiên mua nhạc da đỏ, nên tao thích mầy.”
Hú hồn, tôi không dám giải thích, hôm đó tôi mua vì thương hại họ bán ế. Sợ hắn nổi sùng, tôi cười nịnh.
“Tao xem Poncahontas cả chục lần, vẫn thấy thích. Phim haỵ Truyện tình ngang trái vì màu da, cảm động lắm.” Trong trí tôi hình dung cảnh họ vẽ cô gái da đỏ chân trần xõa tóc, phóng như sóc lên mỏm đá cheo leo, cất tiếng hát lay động núi rừng.
Không ngờ, hắn sầm mặt. “Tổ tiên chúng tôi là những người thật thà lắm. Chất phác đến mức khờ dại.” Bỗng hắn hạ giọng, “Người da đỏ không ai muốn xem Poncahontas. Đó là một dấu ấn buồn.”
Tôi thắc mắc, “Họ không thích cô ta sao? Tao thấy, cô dễ thương lắm.”
Hắn lắc đầu, “Người trong phim là cô gái Phị Poncahontas thật đẹp hơn nhiều. Nhưng truyện tình đơn giản.” Hắn kể, “Năm 1606, chiếc thuyền John Smith gặp bão nên đổ bộ vào Virginia. Họ bị người da đỏ bắt. Lúc đó, Poncahontas mới mười hai tuổi, là con gái tù trưởng Powhatan, đã xin ân xá cho John Smith. Tám năm sau, cô lập gia đình với thuyền trưởng khác là John Rolfẹ Họ sang Anh, và có một con. Ở London, người ta gọi cô là Lady Rebeccạ Poncahontas chết lúc mới hai mươi mốt tuổi, vì bệnh dịch.”
Xúc động, tôi chậc lưỡi, “Thật tội nghiệp.”
Sequois “hừ” bằng giọng mũi, “Chưa tội nghiệp bằng Powhatan. Mày có biết, sau khi kết thân với John Rolfe, họ đã giúp nhiều chiếc thuyền Châu Âu thực phẩm, thuốc lá. Về sau, đám di dân cậy có súng, bắt người da đỏ có nhiệm vụ cống nạp thực phẩm. Sự phẩn uất bùng nổ vào năm 1622. Những người da trắng bị giết cùng một kiểu: mồm nhét đầy thực phẩm trộn đất. Ý nói, người da trắng tham lam muốn nuốt chửng đất đai của họ. Chiến tranh bắt đầu từ đó. Bộ lạc của họ chết gần hết.”
Tôi hỏi, “Bây giờ, người của Powhatan còn không?”
“Còn, nhưng ít lắm.” Hắn đáp. “Họ sống ở đặc khu Rancocas ở New Jerseỵ”
Tôi bùi ngùi, an ủi. “Chính quyền giờ khác xưa. Họ cũng dành cho người da đỏ nhiều đặc quyền hơn những giống dân khác.”
Hắn chép miệng, thở dài. “Mày chỉ là khán giả, nên không thấy như kẻ đứng sau hậu trường.”
Tôi làm thinh. Mải chuyện, xe vượt qua đường núi lúc nào không rõ. Bây giờ, trời quang hẳn. Xa lộ nằm dọc trên cao nguyên chạy về hướng bắc. Bên phải, thỉnh thoảng có nhiều hồ hoang đầy lau sậy. Xa xa đồi núi chập chùng. Một rặng rừng thông xanh rì che mờ chân núi. Bên trái, trên xa lộ nhìn xuống, một con sông hẹp, mầu nước sáng như bạc. Bên kia bờ, nhiều dãy đồi trọc, trên váng lớp cỏ thưa. Càng lên bắc, đồi thoãi dần rồi trở thành thung lũng.
Xế chiều, chúng tôi dừng lại đổ xăng. Tôi chạy qua quán kế mua hai phần ăn. Sequois chỉ uống nước, rồi ra ngoài. Ăn xong, tôi đi kiếm hắn.
Tôi thấy Sequois ngồi nghiêm trên phiến đá sau quán. Mặt tư lự ngắm mặt trời dần ngã về tây. Vạn vật chìm ngập trong mầu nắng vàng hực tỏa khắp núi đồi. Hồi lâu, tôi ngạc nhiên nhận ra, dường như nắng ở đây vàng hơn nơi khác. Hỏi Sequois, hắn trỏ tay xuống thung lũng: bên dưới một biển lúa rập rờn như sóng. “Mầu vàng từ lúa hắt lên, không phải trên trời dọi xuống.” Tôi nhìn xuống. Đất trũng như lòng chảo. Chắc phải qua cả triệu năm, mưa bão mới cuốn trôi đất từ những rặng núi đá bên kia để hình thành thung lũng này.
Tôi hỏi, “Nông trại mày đất tốt như vầy không?”.
Mắt nhìn xuống cánh đồng lúa, hắn đáp bâng quợ “Không, cằn lắm.”
Tôi tài lanh, chỉ vẽ: “Hey, sao mày không bán đất xấu, xuống kia mua tốt hơn?”
Hắn lừ mắt nhìn tôi một hồi. Rồi phủi đít đứng dậy, bảo. “Hơn trăm năm trước, lãnh địa này là của tụi tao. Thung lũng Wallowa là căn nhà của người da đỏ. Bộ lạc mười mấy ngàn người, trải sống khắp thung lũng và vùng giữa lưu vực hai sông Salmon và Snakẹ Đánh cá và chăn nuôi là nghề chính. Đến năm 1877, người da trắng lùa chúng tôi lên ở Lapwai. Giờ là khu tự trị Nez Percé.” Hắn đăm chiêu nhìn xuống bên dưới. “Mười mấy ngàn năm, bao nhiêu hài cốt tổ tiên, di sản thiêng liêng chôn dưới cánh đồng này.” Rồi thở dài, “Bây giờ là nơi người ta đào xới.”
Tôi chợt nhớ trong sử viết, người Pháp đầu tiên gặp bộ lạc Numipu, thấy nhiều người xỏ mũi bằng răng cá hay đeo khoen vỏ sò nên gọi họ là Nez Percé. Tôi lom lom nhìn mũi hắn. Chắc đoán được, hắn đập vai tôi đau điếng. “Bây giờ đố mày kiếm ra người Nez nào xỏ mũi.”

Chúng tôi về tới đặc khu Nez Percé lúc trời chập tối. Khu nằm trên cao nguyên, lọt giữa vùng rừng già và núi cổ. Phía đông, giòng Clearwater trên ngàn chảy ngang. Qua chiếc cầu gỗ, xe chui dưới nhiều lớp cổng chào khắc những hình thù quái dị. Nhà cửa cất dọc ven sông. Kiểu đơn giản. Đa số ghép bằng cây lodgepines, loại thông thân thẳng và nhẵn. Có căn vách tô đất, mái lợp bằng cỏ đuôi chồn. Đó đây vài chiếc lều vải bạc dựng trước nhà.
Sequois lái chậm lại khi rẽ vào trong. Nhiều người chạy ra, vẫy chào. Hình như hắn quen với tất cả mọi người. Xe ngừng lại trước một căn nhà gỗ hai gian, sau hè có cầu thang lên tầng trên. Trước nhà treo nhiều bộ sừng thú. Lớn nhất là đầu con nai già, sừng cao cả thước, có nhiều nhánh chẻ. Cạnh bên, bộ sừng moose, thấp và bè. Kế là đầu trâu rừng có sừng cong vút, sừng sơn dương úp ngược như lọn tóc con gái. Tôi ngạc nhiên sao họ trưng đồ quý ở ngoài, không sợ mất. Sau này mới hiểu, đó là cách người da đỏ khoe chiến công. Không ai thấy vinh dự khi lấy cắp thành tích người khác.
Bên trong, nhà sạch và đơn giản. Một chiếc bàn viết kê sát vách, kế kệ sách. Chính giữa trải một tấm da gấu đen mượt. Chung quanh, những chiếc gối mầu mè dựng ngay ngắn. Ống điếu, tẩu thuốc xếp gọn trong góc nhà. Trên vách treo một tấm tranh, cảnh một gia đình da đỏ quây quần bên bếp lửa. Tôi để ý không thấy điện thoại, ti vi hay máy điện toán. Nghe đồn, người da đỏ từ chối những tiện nghi văn minh. Họ sống biệt lập, quay lưng với thế giới bên ngoài.
Nhà vắng. Sequois bảo tôi ngồi chờ, hắn đi kiếm ông Chief xin phép. Tôi lo lắng, lỡ ông không đồng ý thì sao. Hắn nhếch môi cười, ông Chief tức Tù Trưởng, là bác ruột, cha nuôi, và cũng là chủ nhà này. Hắn quẳng túi đồ của tôi xuống đất, chỉ tay lên trần nhà, nói. “Phòng mày trên lầu. Lên coi đị” Tôi chưa kịp hỏi thêm, hắn đã phóng ra xe, dông mất.
Căn phòng hắn chỉ bề bộn như một cái khọ Sàn nhà chất đầy những đồ vật đan thêu bằng những hạt chuỗi sặc sỡ như rổ, rá, túi xách và chăn. Trên vách treo nhiều mặt nạ gớm ghiếc. Tôi tò mò ngắm kỹ từng cái hồi lâu. Thật kỳ lạ, tôi phát giác. Trông mặt nạ mỗi chiếc mỗi khác, nhưng nét mặt đều chung một vẻ. Miệng méo lệch, mắt đứng tròng như trông thấy điều gì kinh hãi. Rõ ràng nó đang sợ người, không phải làm người sợ nó.
Ngắm chán, tôi mở cửa phòng bên xem thử. Mùi nhựa gỗ hăng hắc. Bên trong có nhiều kệ, kê sát tường. Trên, trưng la liệt những vật dụng cổ xưa. Từ hài, ủng bằng da thỏ, túi đựng cung nỏ, gậy, nón của tù trưởng, nhiều hình nộm nhỏ và nhạc khí cổ. Lưng vách treo nhiều khung hình đen trắng. Đa số chụp từ thế kỷ mười tám. Hình một gia đình trong chiếc lều cỏ, đôi vợ chồng lem luốc đang ôm mấy đứa nhỏ trần truồng. Kế, ảnh chụp những người đàn bà da đỏ quấn khăn, chùm váy đứng chùm nhum ngó thợ chụp hình ngơ ngác. Hình khác, những người đàn ông thô kệch vận âu phục, trông ai nấy như Tarzan ra thành phố. Không có tấm nào thấy họ cười. Tôi dừng lại trước khung ảnh lớn, trang trọng đặt cuối phòng. Một người đàn ông tóc mái phất phơ như bờm ngựa, hai bên thả hai bím tóc mai. Gương mặt rắn rỏi, quả cảm. Mũi thẳng. Đôi mắt là hai vì sao không phát sáng. Một nỗi buồn như dội ngược trong lòng. Tôi đứng lặng, cuốn hút bởi cái nhìn của ông.
Có tiếng đằng hắng sau lưng, tôi giật mình quay lại. Một người đàn ông da sậm, cao lớn, tóc râm, đeo kính vỗ vai tôi, thân mật. “Nè, Bạn Nhỏ. Anh biết Tù trưởng Joseph không? Đó là vị anh hùng của người da đỏ. Người da trắng gọi ông là Indians Napoleon.” Tôi gật, ra vẻ hiểu biết, “Tôi học sử Mỹ, có nghe danh.” Ông nhìn tôi, nghi ngờ, “Có phải họ dạy, người da đỏ quan niệm đất đai như không khí, là của chung mọi người?” Hay cho rằng, “Chúng tôi là những người man di may mắn sống trong thế giới văn minh của họ?” Tôi im lặng. Ông bật cười khan. “Đó là thứ sử một chiều.” Rồi đằng giọng, chua caỵ “Kẻ chiến thắng quơ trong không khí cũng ra chính nghĩa.” Tôi chưa biết nói sao thì Sequois lên gọi ăn tối.
Ngày hôm sau vào nông trại. Thật ra gọi lâm trại đúng hơn. Một khoảng rừng cây lodgepines bị đốn nhẵn, gốc trơ giống những miếng gạch tròn. Công việc của đám thợ trẻ là nghiền gốc, xong trồng lớp cây mới. Sequois là trưởng nhóm tốp hai mươi người. Theo họ, tôi biết thêm nhiều điều. Tục da đỏ kiêng gọi tên. Họ dùng những biệt hiệu theo đặc điểm hay thành tích của từng người. Thí dụ Sequois là Sói xám, vì hắn từng bẫy được sói rừng. Bighorn, tức Đại Tù Và là cha nuôi của Sequois, vì ông thổi tù và trong các buổi lễ. Họ gọi tôi là Bạn Nhỏ, theo cách ông Chief gọi. Những người khác đều có những tên dữ dội hoặc buồn cười như Ngựa Điên, Cục Đá Vàng, Que Lửa vừa nghe nhớ mãi.
Sequois là người trưởng nhóm tốt. Hắn theo tôi chỉ vẽ tận tình. Đám thợ siêng năng làm việc cật lực. Đến trưa, một vùng rộng đã cào xong. Tôi mệt đứ, mồ hôi nhễ nhại đẫm lưng. Đám thợ của Sequois tỉnh bơ, cởi áo cột áo ngang mình. Tôi ngắm từng tấm lưng trần lực lưỡng. Dưới những tia nắng lóa, mầu da sậm của họ bỗng nhiên đỏ ửng.
Chúng tôi kéo vào ăn trưa dưới một mái lá. Bên ngoài, chỉ còn ông Chief căng dây làm mốc để trồng gốc mới. Tôi ngạc nhiên hỏi, Sequois đáp, ông Chief của họ phải làm việc như mọi người. Ngày xưa, Tù Trưởng thường là những người dũng mãnh, mưu trí nhất bộ lạc. Họ là người dẫn đầu trong những cuộc săn, trong chiến tranh. Chỉ khi già mới ở nhà. Chiến lợi phẩm thu được cũng phải chia cho kẻ nghèo, không giữ làm của riêng. Ngày nay cũng vậy. Chỉ khác, họ có nhiều Chief, họp thành một ban Quản trị.
Một tuần sau, rừng cây non thẳng tắp. Chúng tôi bắt đầu chuyển trại. Dọc theo con đường mòn dẫn ra rừng Whitebird có nhiều xưởng cưa. Cây từ các lâm trại chuyển tới chờ xẻ gỗ. Tôi ngạc nhiên trước sự giàu có tương phản với nếp sống đạm bạc trong làng của họ.
Sau trại là vực. Bên kia, núi đứng chen chúc, che ánh mặt trời. Sương len từ khe đá vừa tỏa lên đã ngưng đọng. Rừng thông Alpines đứng nghiêm, trông như những cổ tháp Đông phương. Giữa vực, một con đường mòn hun hút, không biết dẫn đi đâu. Có lần rủ Sequois xuống đó săn. Hắn trừng mắt nhìn tôi, gằn giọng. “ Đừng bao giờ có ý nghĩ săn bắn ở đây.” Bình thường hắn ôn hòa, không hiểu sao bỗng dưng lại dữ vậy. Sau này nghe ông Chief nói, đó là mộ địa của người da đỏ, họ đã từng bị truy sát tại đây.”
Những buổi tối về làng, Sequois nhóm bạn đua ngựa hay tập bắn cung. Tôi ở nhà, quanh quẩn theo ông Chief. Ông dạy tôi nhặt và xắt lá thuốc trồng trong trại. Dần dà, tôi cũng biết kéo tẩu. Thuốc lá của họ đậm và nồng, khói nhạt, dễ vẽ thành những vòng tròn lơ đễnh. Khi say thuốc, tâm trí mơ màng, ông thường kể truyện. Lần nào mở đầu, ông cũng than, “Chúng tôi đúng là những kẻ lỡ tầu. Này Bạn Nhỏ, anh xem. Trong lúc nhân loại bắt đầu phát minh ra điện, thì chúng tôi vẫn yên trí sống trong thời kỳ đồ đá.” Giơ cây tên bằng xương thú vẫn chưng trong nhà, ông cười khất khưởng. “Và, lo bắn nhau bằng những mũi tên cùn.” Hồi sau, ông lắc đầu, thở dài. “Mảnh đất này cô lập chúng tôi với thế giới quá lâu. Thật không thể tưởng tượng, mãi năm 1700 chúng tôi mới thấy được giống ngựa và đồ kim khí, như nồi niêu gương lược. Giống như con gấu ngủ suốt đông, khi tỉnh dậy trời đất đã đổi mùa.” Ông chuyển giọng, trầm ngâm. “Người da đỏ vốn hiếu khách. Hơn nữa, muốn chìa tay bắt kịp đà văn minh con người. Chúng tôi luôn luôn muốn học hỏi ở người da trắng về trồng trọt, chăn nuôià cho đến cả tôn giáo. Nhưng đến năm 1836, khi mục sư Spalding đến cất nhà thờ trên đất người da đỏ, lại đuổi chúng tôi ra khỏi thánh đường, chỉ vì có người mặc khố đi lễ thì sự hiềm khích bắt đầu. Mấy năm sau, người da trắng đến càng đông. Giống da đỏ tự dưng thành thiểu số. Họ cất nhà, lập nông trại trên cánh đồng của chúng tôi. Năm 1850, khi mọi người đổ xô tìm vàng thì thảm kịch bắt đầu. Đa số vàng được tìm thấy trên vùng da đỏ. Chính quyền vẽ ranh giới, tước đoạt đất đai, mồ mả chúng tôi. Họ xua chúng tôi vào vùng đất này, chà đạp lên luật lệ.” Ông ngừng lại, hỏi. “Anh bảo có học sử Mỹ, vậy có biết General Oliver Howard không?” Tôi gật. “Có, Oliver Otis Howard được ca ngợi là một anh hùng trong cuộc nội chiến.” Ông cười khẩy, “Anh đứng trước mặt nên chỉ thấy hào quang. Sau lưng, bóng họ và bóng ma không khác mấy.” Tôi làm thinh. Bấy giờ, ông như tự nói với mình. “Tháng 5 năm 1877, chính Howard viết thư phản đối việc tước đoạt đất của bộ lạc Nez Perce lên Liên Bang. Nhưng chỉ tháng sau, ông trở mặt, ra lệnh buộc chúng tôi phải bỏ xứ ra đi trong thời hạn ba mươi ngày. Lúc đó là đầu xuân, tuyết trên núi đang tan. Nước tràn xuống như cơn lũ dữ. Tất cả dắt díu nhau lội qua sông Snakẹ Nhiều người và thú đã bị cuốn mất tăm trên giòng sông này. Khi lên bờ nghỉ, tình cờ có một thanh niên, phát giác trong số lính áp tải có kẻ giết cha mình. Một nhóm ba người da đỏ trẻ, rình rập và ám sát toán lính trong rừng. Khi sự việc xảy ra, Chief Joseph tránh cuộc chiến sẽ tiêu diệt hết bộ lạc nên gửi sáu người mang cờ trắng đi đến đồn. Nhưng chưa kịp nói, họ đã bị lính canh gác bắn chết. Tù trưởng Joseph vội vã dẫn cả bộ lạc mở đường máu, chạy theo con đường mòn sau núi Whitebird. Nhiều đội lính rượt theo. Cuộc săn người diễn ra trong rừng. Vừa bảo vệ đàn bà và trẻ nít, vừa chống lại với lính có súng, bộ lạc mất dần những tay cung thủ gan dạ nhất. Trong gần bốn tháng, họ chạy lẩn trong rừng, vượt qua những hẻm núi, trèo lên rặng Bitterroot. Đoạn đường dài 2,720 cây số. Tới tháng Mười, trời đổ tuyết. Băng giá bắt đầu lấp dần những hẻm núi. Họ bị hai đội quân bao vây, đạn bắn xuống như mưa. Nhiều người chết vì lạnh và đói trong hang. Tù trưởng Joseph vì sự sống còn của bộ lạc, đã tuyên bố đầu hàng, tại núi Bear Paw, chỉ cách Canada 30 dặm.”
Tôi tặc lưỡi, tiếc rẻ. “Sau này, Tù trưởng Joseph ra sao?”
Ông đáp, “Chief Joseph và đa số đàn ông trong bộ lạc bị phân tán ở khắp các trại miền nam. Ở trại Kansas, đa số không chịu được khí hậu nóng ẩm nên chết rất nhiều. Hai mươi ba năm sau, ông mới được trở về bộ lạc ở Lapwai. Năm 1900, ông quay lại thung lũng Wallowa để mua một mảnh đất nhỏ, nhưng không ai chịu bán. Bốn năm sau, Joseph chết.”
Nói xong, ông rít một hơi dài. Những cọng thuốc cong queo, lóe ngời màu lửa. Tôi bùi ngùi nhìn. Mắt ông ướt, những ngón tay lọng cọng chực làm rơi chiếc tẩu.
Tôi an ủi, “Giờ, cuộc chiến đã qua, chắc họ cũng nhận thấy bất công nên đặc biệt dành nhiều ngân quỹ trợ cấp cho người da đỏ, như... ”. Tôi chưa kịp dứt lời, ông ngắt. “Như quỹ bảo vệ thú rừng, quý vì hiếm đó hả?”
Xong, ông vỗ vai tôi. “Cuộc chiến của chúng tôi vẫn còn. Lớp trẻ vẫn phải tranh đấu với chính mình để không mất gốc. Điều đó không đơn giản đâu.” Hồi lâu, ông bảo. “Dân Tàu đông, một mình anh thay đổi cũng không sao. Nhưng chúng tôi khác, phải quý từng người, nhất là phụ nữ.”
Tôi lắc đầu, phản đối. “Tôi là người Việt, không phải Tàu.” Ông ngạc nhiên, “Nước Việt ở đâu?” Tôi giải thích, “Việt Nam là nước nhỏ, ở miền nam giáp Tàu. Chúng tôi cũng từng bị Tàu đô hộ và đồng hóa cả ngàn năm, nhưng chúng tôi vẫn tồn tại.” Ông bật dậy, chú ý hỏi. Tôi cố nhớ đoạn sử thời Bắc thuộc tôi học hồi nhỏ để kể. Đại khái, người Việt tránh sự đồng hóa của người Tàu bằng tục ăn trầu, nhuộm răng và vấn tóc để nhận nhau. Họ còn dùng cách ăn mặc, ngôn ngữ, truyện cổ... để giữ gìn nguồn gốc. Tiếc, lúc nhỏ mê đá dế nên tôi lười học, chỉ nhớ được nhiêu đó. Nhưng ông Chief nghe xong thích thú lắm.
Khuya, mưa rơi lộp độp trên mái nhà. Tôi ngủ mơ thấy ông Chief Joseph từ phòng bên bước ra, rủ đi theo. Ông phi ngựa đến bờ sông Snake, chỉ giòng nước. “Này Bạn Nhỏ xem kìa, nước dưới kia không chảy. Nó chỉ rút ra xa, rồi vỗ mạnh vào gềnh. Sẽ có một ngày, sức nước làm tim đá vỡ.” Nói xong, người ngựa đều lao xuống vực. Tôi hết hồn tỉnh giấc. Ngoài kia, gió vẫn rít từng hồi.

Sáng cuối tuần, tôi dậy sớm. Dưới nhà có nhiều người trẻ. Họ đun nước, nướng bắp và bàn về ngày lễ Truyền Thống cuối hè. Ông Chief vào phòng lấy cho tôi chiếc áo khoác to như cái mền và mười đồng. Tôi nhìn có ý hỏi. Ông cười, rồi bỏ đi. Thấy tôi ngơ ngác, Sequois nắm tay chúc mừng. Đó là tục người da đỏ nhận bạn.
Sequois giới thiệu nhóm trẻ. Tôi chú ý cô gái nhỏ, cứ đứng trong góc nhà vuốt hai bím tóc. Hắn bảo, đó là em họ, tên Ngải Cứu. Tôi bật cười, tên chi lạ. Sau này, tôi biết cô là Yumạ Không hiểu sao, họ quý phụ nữ nhưng hình như không thích Yumạ Cô chỉ lắng nghe, không góp lời, còn họ cũng không hỏi tới.
Nhóm con trai chuẩn bị cây, lều và dọn bãi. Xong, sẽ ra chuồng ngựa. Đám con gái đi nhặt camas. Lần trước té ngựa, nên Sequois cho tôi theo phía nữ giúp họ khuân nông phẩm về trại.
Tôi đẩy cáng xe theo nhóm con gái mang gùi về phía đông. Vượt quá rừng thưa, một thảm hoa dại trải rộng tận chân đồi. Bọn họ tản ra, mỗi người mỗi hướng. Tôi cầm càng xe lớ ngớ chưa biết đi đâu thì Yuma ngoắc. Tôi vừa đi vừa ngắt mấy nhánh hoa, đưa lên mũi ngửi. “Hoa gì đẹp quá?” Yuma cười, “Ngải Cứu, giống tên em.” Cô chỉ ra xạ “Bên kia có mầu tím đẹp hơn.” Xong, cô vẹt cỏ, lựa bứng những bụi cây, trông giống giò thủy tiên, nhưng hoa mầu xanh nhạt, củ to như củ hành. Cô bảo, đó là camas, tựa khoai tây của người da trắng. Khi mài thành bột, dùng làm bánh kẹp thịt nướng, rất ngon. Tôi chùi một củ, cắn thử. Nhẳn và ngọt như sắn ở quê mình. Cánh đồng còn có nhiều cây dại, như turnip, củ ngọt và dòn; các loại cherriers đỏ, tím dùng làm nhân bánh; Saskatoon, Pemmican mầu vàng nâu để ướp thịt rừng. Cô nhổ một giò camas trắng, dặn. “Chớ hái mầu trắng, đây là hoa độc.” Tôi hoảng hốt, “Hoa độc mọc xen hoa xanh, ăn không sợ sao?” Cô cười, “Giống như người hiền, người dữ sống chung mảnh đất vậy mà.”
Yuma học Mỹ thuật ở Boisẹ Mùa hè, về sống với mẹ trong làng. Với tôi, cô hoạt bát và vui hẳn, không giống như khi đứng trước những người khác. Sau này nghe họ kể, cô từng có bạn trai người da trắng. Không hiểu sao, chuyện không thành.
Khi trở thành bạn thân, tôi theo cô dạo khắp cánh đồng. Yuma dạy tôi nói chuyện bằng thủ ngữ, đó là ngôn ngữ chung của tất cả các bộ lạc. Tôi cứ ra dấu lộn, nói ghét thành yêu, nói không thành có làm cô cười ngặt ngoẽo. Nụ cười khoe hàm răng trong bóng như những hạt gạo đã sàng sẩy kỹ. Buổi tối, ra sau trại. Hai bên núi đá đen chồng chất. Chính giữa giòng Snake đang chảy, trông xa như con rắn trườn khoe những lớp vẩy lấp lánh. Tôi kể về giấc mơ thấy ông Joseph. Cô nghe, rồi chắp tay nhìn trời khấn. Tôi hỏi, “Em tin đấng Great Spirit thật à?” Cô gật. “Nhưng, Thượng Đế của người da đỏ khờ lắm.” Cô cười buồn, “Ngài làm ngơ bỏ mặc con dân khổ.” Tôi ngửa cổ, nheo mắt nhìn. “Anh không tin trên trời có Thượng Đế.” Yuma nằn nì, “Cứ tin đi, cho nó vui.” Cô chép miệng, thở dài. “Nếu trên trời toàn là mây, chỉ e con chim cũng không buồn bay nữa.”
Cuối hè, lễ Truyền Thống hàng năm bắt đầu. Giống như hội Powwows hay Sun Dance miền Nam. Người từ các bộ lạc khác dự rất đông. Những con đường trong làng tấp nập. Gần trăm chiếc lều dựng lên, trên vẽ những hình người và thú đuổi nhau. Khán đài có mái che ở giữa bãi trống, chung quanh bày nhiều hàng ghế. Kế bên, là gian hàng bán đồ kỷ niệm hay trò chơi.
Từ sớm, mọi người kéo ra bãi, chào nhau và ăn sáng. Họ đi thành từng hàng, mặc lễ phục đủ mầu. Đàn ông thắt bím tóc mai, vẽ mặt rằn rị Áo họ dài quá gối, trên có choàng yếm viền tua, ren sặc sỡ. Đầu quấn băng xanh đỏ, và gắn lông chim dài nhuộm mầu. Lưng và mông mang bộ cánh và đuôi giả giống con gà tây lớn. Đàn bà mặc áo choàng dài chấm gót. Trên có khăn khoác thêu sặc sỡ. Tóc chải ngược, bỏ bím hai bên, giắt những lông ngỗng trắng phất phợ Ngực đeo đầy chuỗi hạt đủ mầu. Họ xếp hàng đi quanh khán đài nhiều vòng để thi sắc phục. Tới ngang lễ đài, đám đàn ông dừng lại phập phồng vỗ cánh, hếch đuôi. Một ban trống lễ, gồm toàn người già cầm dùi đen, gõ trống liên hồi.
Tới trưa, cuộc thi nhảy bắt đầu. Nhạc giữ nhịp là một giàn trống nước. Trống giống thùng rượu thấp, làm bằng thân cây hollow có niền đáy, mặt trên bịt dạ Khoảng giữa có ống chuyền nước vào đã được bịt chặt. Trống nước phát được những nốt cao. Xen kẽ là chiếc trống đôi, có hai mặt, trên có căng dây treo mấy que gỗ nhỏ. Khi đánh nghe rất vui tai. Ngoài ra còn có kèn, và nhiều loại sáo. Họ biểu diễn đơn, hoặc từng cặp, cuối cùng xếp thành hàng. Tôi xem hồi lâu cảm thấy ù tai, chóng mặt. Trông lòe loẹt như một đám hát bội.
Buổi chiều, đám đàn ông đua ngựa. Những con ngựa lớn, khỏe, mầu đỏ nâu phi nước đại. Họ lướt qua cánh đồng, lội qua suối, rồi chạy dọc theo sông Clearwater. Tôi mường tượng cảnh những người da đỏ mình trần, đóng khố, giương cung sải ngựa trong phim la hét vang trời. Bây giờ, họ mặc quần jeans, áo jacket, có người đeo kính lão. Chỉ đám trẻ như Sequois mới chơi trò phóng đổi lưng ngựa nhiều lần. Không may, khi băng qua cổng trại, hắn bị trặc chân, nên về nghỉ.
Tối đó, họ đốt lửa trại quanh lều. Những người đàn bà treo nồi luộc bánh. Trẻ con xớ rớ lén nướng khoai. Đám con trai tản ra trêu con gái. Những người già ngồi kể chuyện xưa. Khi trăng lên cao, ông Chief lấy tù và ra thổi. Âm thanh mạnh và rền, lan nhanh như luồn vào khe núi. Đến quá khuya, tiếng tù rúc nghe như tiếng sói trúng thương.
Thấy bóng Yuma vụt qua sau lưng, tôi đuổi theo, bắt kịp Yuma ở ngay cánh đồng có nhiều hoa dại. Tôi hỏi, “Chạy ra đây chỉ” Cô đáp, “ở lại, hồi nữa sẽ nghe họ khóc đó.” Tôi ngẩn người, “Họ khóc thật à?” Cô gật. “ừ, nhưng anh không thấy đâu. Lệ họ bốc thành hơi lâu rồi.”
Chúng tôi đi bên nhau. Cuối hè, hoa đã tàn. Có những cọng cỏ nhuốm vàng rất sớm. Tự dưng, Yuma kể. Lúc nhỏ, cô thường ra cánh đồng này và ở lại tới khuya. Tôi ngạc nhiên hỏi. Cô cười, “Để nghe tiếng côn trùng rỉ rả.” Và, nói xa xôi. “Thật ra, mỗi loài đều có những lời thở than riêng. Đừng chỉ nghe mỗi tiếng của mình.”
Hồi lâu, trên đường về, tôi vô ý sụp chân xuống hố. Không biết ai đào, miệng hố trơn lùi, không leo lên được. Yuma bối rối đi tìm cây sào. Nhưng sức yếu, thay vì kéo tôi lên, cô lại ngã chúi xuống. Tôi loay hoay phát giác có một lỗ hang dưới đáy. Cô lo sợ bảo, có thể là hang gấu hay sói rừng. Tôi nói, chắc không phải, nhưng trong lòng thầm lo.
Khuya, sương xuống nhiều. Lạnh và sợ, chúng tôi choàng chung cái áo to của ông Chief cho lúc trước. Một hồi, Yuma cười gượng trấn an, kể tôi nghe truyền thuyết về loại sói rừng. Cô nói, vào thời hỗn mang, có con khủng long to nằm chắn giữa những dãy núi này. Khi đói, nó ăn hết mọi sinh vật chung quanh. Cuối cùng chỉ còn lại con sói rừng. Sói tinh khôn biết trước sau gì cũng bị ăn thịt. Nó lấy dây rừng đánh thành sợi dài quấn ngang bụng. Khi bị nuốt, nó cột dây vào răng khủng long, và tuột vào trong. Đến nơi, nó rút dao cắt tim mãnh thú. Sợ khủng long sống lại, sói cắt thịt và xương thú làm nhiều mảnh, rồi quăng khắp nơi. Người da đỏ tin, đó là điềm con cháu sau này tứ tán.
Nghe xong, tôi thở dài. “Chúng tôi không có câu truyện cổ nào như vậy, nhưng con cháu Việt sao cũng bị lưu lạc khắp nơi.” Hình như Yuma xúc động, cô siết chặt tay tôi. Một cơn gió lạnh tràn về, Yuma rùng mình, tôi ghì vai cô và nhẹ hôn trên tóc.
Trăng sáng vằng vặc. Bầu trời xanh trong không một vì sao. Tôi tấm tắc, “Trăng đẹp quá. Ở thành phố chưa bao giờ tôi thấy trăng sáng như vầy”. Yuma bảo, “Nếu anh thích, sau này về đây tha hồ ngắm.” Nghĩ sao, tôi lắc đầu, “Không, sẽ không có đêm nào trăng tròn hơn đêm naỵ”

Mùa thu đến, rừng đổi mầu. Lá aspen ngã vàng rồi chuyển sang nâu đỏ. Khi về Boise học lại, Yuma đã trở thành bạn gái của tôi. Điều này Sequois không biết. Ban Quản trị đang dự tính mua thêm lâm trại nên hắn bận. Yuma tiết lộ, những tài sản trên rừng mang tên cá nhân, nhưng thật ra của chung dân chúng. Mỗi một người họ đều tự nguyện góp vốn, mua lại phần đất đai đã mất. Những giọt mồ hôi đổ xuống ví như những giọt máu của người lính đi giành lại quê hương.
Chừng nửa niên học, Yuma báo tin có thai. Tôi bàng hoàng cả tuần. Vào lớp, chẳng nhét nổi một chữ vào đầu. Tối nằm, tôi mơ thấy một thằng bé vẽ mặt rằn ri, đầu giắt đầy lông chim, nhảy loi choi như con gà tây bị rượt. Sáng dậy, đầu óc lùng bùng. Yuma về trại tuần trước. Tôi dọ hỏi những căn chung cư ngoài để dọn ra riêng. Xong, sẽ về xin phép làm một lễ cưới nhỏ và dẫn Yuma đi cùng.
Mấy hôm sau tôi về trại. Đường trong làng vắng ngắt. Ghé nhà Yuma không có ai. Tôi trở về căn gác cũ. Bọn Ngựa Điên, Cục Đá Vàng, Que Lửa thấy tôi mặt lấm lét, chuồn nhanh.
Buổi chiều, ông Chief về, bảo tôi theo. Ra tới lều lớn của khu, mọi người đang chờ tôi ở đó. Yuma ngồi sau lưng mẹ, mắt đỏ hoẹ Tôi lúng túng nói không ra lời, nhưng sau cùng cũng trình bày câu chuyện một cách trơn trụ Khi vừa dứt lời, trong lều ồn hẳn, mỗi người một câu. Hình như ai nấy đều bất mãn. Ông Chief giơ hai tay ra hiệu im lặng, rồi nói, họ muốn bắt rể. Gia đình tôi sẽ ở lại trong làng, và trở thành thành viên trong tộc. Giấc mơ thấy thằng con da đỏ chạy lăng xăng trong làng tự dưng hiển hiện. Một đứa con chưa sinh ra, nhưng nỗi buồn vong quốc ngâm tẩm trong rừng núi đã định hình. Tôi cố trình bày cho họ hiểu, tục Việt Nam con gái phải theo chồng. Nhưng nói sao, họ cũng không nghe. Ông Chief nói, xưa bộ lạc họ đông hơn hai mươi ngàn người, hơn trăm năm sau chỉ còn mấy ngàn, đi người nào tiếc người đó.
Nghe vậy, tôi kiếm cớ đi ra ngoài. Vòng ra sau, không thấy ai. Tôi chạy ù về chỗ đậu xe. Mới mở máy, đã thấy Sequois kéo lũ bạn phóng tới. Tôi hoảng hốt, nhấn mạnh gạ Chiếc xe lồng lên như con ngựa chứng. Đám Sequois tức giận, vác cây đập chiếc xe tơi bời. Tôi tháo chạy ra cổng làng. Một hàng người dầy đặc, đứng im chặn ngang cánh cổng. Tôi thắng, định quay lại. Nhưng phía sau, bọn Sequois đang la lối xông tới. Tôi bẻ lái, quẹo ngang. Không ngờ quên trả số, xe giật lùi. Đàng sau, có tiếng thét, một vật gì vừa ngã chúi. Nhìn lại, Yuma đang nằm sóng xoài trên đất. Tôi chạy tới, vực Yuma dậy. Một giòng máu đỏ ướt nhem dính tóc.

Chiếc xe cấp cứu đưa Yuma ra khỏi trại. Hai người cảnh sát dẫn tôi ra xe. Khi vừa qua cổng, tôi ngoái lại nhìn. Rừng núi bỗng dưng nhỏ lại.
Xe chạy qua dãy núi đen. Tôi như thấy Yuma vẫn còn đứng đó, chắp tay và cầu nguyện. Tự nhiên tôi tin chắc, Thượng Đế đang nấp sau mây. Có điều, lần này Ngài khờ hơn lần trước.

#### Hết

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: Maybonphuong
Được bạn: TSAH đưa lên
vào ngày: 5 tháng 4 năm 2004